

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là hành vi do cá nhân, cơ quan, tổ chức cố ý hoặc vô ý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Nghị định này không áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo hiểm tiền gửi và các loại bảo hiểm mang tính kinh doanh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bị xử phạt:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (sau đây gọi là người vi phạm);

b) Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Không áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này do cán bộ, công chức thực hiện trong khi thi hành công vụ được giao. Việc xử lý đối với hành vi vi phạm của họ được thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 3 của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 (sau đây gọi là Nghị định số

128/2008/NĐ-CP).

2. Tình tiết tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 6 của Nghị định số 128/2008/NĐ-CP.

3. Tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là 30.000.000 đồng.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung tiền phạt tương ứng với hành vi đó được quy định tại Nghị định này; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể thấp hơn nhưng không được dưới mức thấp nhất của khung phạt tiền đã được quy định; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể cao hơn nhưng không vượt quá mức cao nhất của khung phạt tiền đã được quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các Chương II của Nghị định này.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là một (01) năm, kể từ ngày vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được thực hiện. Nếu quá thời hạn nêu trên thì người vi phạm không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Nghị định này.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này mà người vi phạm có hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

3 Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt

Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được áp dụng theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

MỤC 1

ĐỐI VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Điều 7. Hành vi không đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp

1. Phạt tiền

a) Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, khi vi phạm với từ 01 người đến 10 người lao động.

b) Từ 5.100.000 đồng đến 10.000.000 đồng, khi vi phạm với từ 11 người đến 50 người lao động;

- c) Từ 10.100.000 đồng đến 18.000.000 đồng, khi vi phạm với từ 51 người đến 100 người lao động;
- d) Từ 18.100.000 đồng đến 24.000.000 đồng, khi vi phạm với từ 101 người đến 500 người lao động;
- đ) Từ 24.100.000 đồng đến 30.000.000 đồng, khi vi phạm với từ 501 người lao động trở lên;

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;
- b) Buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 8. Hành vi đóng bảo hiểm xã hội không đủ số người thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 2.500.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;
- b) Buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 9. Hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp

1. Phạt tiền bằng 0,05% mức đóng theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội cho mỗi ngày chậm đóng, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;
- b) Buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 10. Hành vi đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp không đúng mức quy định

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;
- b) Buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 11. Hành vi lập danh sách người lao động không đúng thực tế để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc (trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ...)

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc bồi hoàn số tiền đã chi trả sai cho tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giao quyết định xử phạt;
- b) Buộc sửa lại cho đúng, nộp lại các giấy tờ đã xác nhận sai trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 12. Hành vi xác nhận không đúng thời gian làm việc và mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bồi hoàn số tiền đã chi trả sai cho tổ chức bảo hiểm xã hội trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;

b) Buộc sửa lại cho đúng, nộp lại các giấy tờ đã xác nhận sai trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 13. Hành vi không lập hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tuyển dụng

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 14. Hành vi không làm thủ tục (lập hồ sơ hoặc văn bản) để: đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ hưu trí trước 30 ngày, tính đến ngày người lao động đủ điều kiện nghỉ việc hưởng hưu trí; đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ của người lao động

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện thủ tục đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 15. Hành vi không trả các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động (trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ...)

1. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc trả trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 16. Hành vi chậm trả: chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản sau 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ của người lao động; chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định chi trả của cơ quan bảo hiểm xã hội

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc chi trả số tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 17. Hành vi không trả sổ bảo hiểm xã hội đúng thời hạn cho người lao động khi người lao động không còn làm việc

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, khi vi phạm đối với mỗi người lao động.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 18. Hành vi vi phạm trách nhiệm bảo quản sổ bảo hiểm xã hội trong thời gian người lao động làm việc dẫn đến mất mát, hư hỏng, sửa chữa, tẩy xóa

1. Cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, khi làm mất mát, hoặc hư hỏng, hoặc sửa chữa, tẩy xóa đối với mỗi sổ bảo hiểm xã hội.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại sổ bảo hiểm xã hội trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 19. Hành vi không giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động

1. Cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng, khi vi phạm đối với mỗi người lao động.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc giới thiệu người lao động đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng Giám định y khoa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 20. Hành vi không cung cấp tài liệu, thông tin về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người lao động hoặc tổ chức công đoàn

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cung cấp tài liệu, thông tin trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 21. Hành vi báo cáo sai sự thật, cung cấp sai lệch thông tin, số liệu về bảo hiểm xã hội cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức bảo hiểm xã hội địa phương

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo, cung cấp thông tin, cung cấp số liệu đúng sự thật trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 22. Hành vi sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội bất buộc sai mục đích

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
2. Biện pháp khắc phục hậu quả:
 - a) Buộc truy nộp lợi nhuận thu được từ việc sử dụng quỹ sai mục đích;
 - b) Buộc bồi hoàn toàn bộ số tiền Quỹ Bảo hiểm xã hội sử dụng sai mục đích trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

MỤC 2

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 23. Hành vi thỏa thuận với người sử dụng lao động không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả:
 - a) Buộc truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.
 - b) Buộc đóng số tiền lãi của số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 24. Hành vi kê khai không đúng sự thật hoặc sửa chữa, tẩy xóa những nội dung có liên quan đến việc hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc sửa lại cho đúng, nộp lại giấy tờ kê khai không đúng sự thật;

b) Buộc hoàn trả số tiền bảo hiểm xã hội đã nhận do hành vi vi phạm, kể cả tiền lãi của khoản tiền đã hưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt đối với người có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 25. Hành vi làm giả hồ sơ để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng

2. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc sửa lại cho đúng, nộp lại các giấy tờ kê khai không đúng sự thật trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt;

b) Buộc hoàn trả số tiền bảo hiểm xã hội đã nhận do hành vi vi phạm, kể cả tiền lãi của khoản tiền đã hưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 26. Hành vi không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin sai lệch cho người sử dụng lao động, tổ chức bảo hiểm xã hội, cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo, cung cấp thông tin, cung cấp số liệu đúng sự thật trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

MỤC 3

ĐỐI VỚI TỔ CHỨC BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÁC

Điều 27. Hành vi không cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc không chốt sổ bảo hiểm xã hội đúng hạn

1. Phạt tiền, từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc lập sổ bảo hiểm xã hội hoặc chốt sổ bảo hiểm xã hội và cấp cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 28. Hành vi không giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tự nguyện đúng hạn

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc giải quyết chế độ cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 29. Hành vi giải quyết không đúng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tự nguyện

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, khi vi phạm với mỗi người lao động.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc giải quyết đúng chế độ cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 30. Hành vi chi trả không đúng mức hoặc chi trả không đúng thời hạn chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tự nguyện

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.
2. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc giải quyết đúng chế độ cho người lao động trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 31. Hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, trở ngại làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động

1. Phạt cảnh cáo
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc đền bù thiệt hại cho người lao động, người sử dụng lao động (nếu có) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 32. Hành vi quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội bất buộc, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện không đúng quy định

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.
2. Biện pháp khắc phục hậu quả:
 - a) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền tịch thu lợi nhuận thu được từ việc sử dụng quỹ sai mục đích.
 - b) Buộc khôi phục và hoàn trả số tiền sử dụng không đúng mục đích của quỹ bảo hiểm xã hội trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 33. Hành vi không cung cấp hoặc cung cấp sai lệch thông tin, số liệu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội bất buộc, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện

1. Phạt cảnh cáo
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cung cấp hoặc cung cấp đúng sự thật thông tin, số liệu trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 34. Hành vi không cung cấp và hoặc cung cấp không đầy đủ, kịp thời thông tin về việc đóng, quyền được hưởng chế độ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động, tổ chức công đoàn, người sử dụng lao động yêu cầu

1. Phạt cảnh cáo
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cung cấp đầy đủ thông tin trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 35. Hành vi không báo cáo hoặc báo cáo sai sự thật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội bất buộc, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc báo cáo hoặc báo cáo đúng sự thật trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 36. Hành vi không cấp hoặc cấp giấy chứng nhận sai của các cơ sở y tế, không cấp hoặc cấp biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động sai của Hội đồng Giám định y khoa để người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội

1. Phạt cảnh cáo.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng khi vi phạm đối với mỗi người lao động.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc cấp hoặc cấp lại giấy chứng nhận cho đúng trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 37. Hành vi không thực hiện việc tư vấn, giới thiệu việc làm cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc thực hiện tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề phù hợp đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 38. Hành vi không tổ chức dạy nghề hoặc dạy nghề không phù hợp cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc thực hiện tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề phù hợp với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 39. Hành vi không thực hiện việc hỗ trợ học nghề cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc thực hiện các biện pháp hỗ trợ tạo việc làm, học nghề đối với người lao động bị thất nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Điều 40. Hành vi giới thiệu việc làm không phù hợp cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Phạt cảnh cáo
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc thực hiện tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề phù hợp đối với người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ LÝ VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 41. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ giả có giá trị đến 2.000.000 đồng.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
 - c) Tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ;
 - d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ;
- d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 42. Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Thanh tra Lao động – Thương binh và Xã hội

1. Thanh tra viên Lao động – Thương binh và Xã hội khi đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ;
- d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tịch thu hồ sơ giả và phương tiện, công cụ sử dụng để làm giả hồ sơ;
- d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II của Nghị định này.

Điều 43. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về bảo hiểm xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội ở địa phương thuộc phạm vi địa phương mình quản lý theo thẩm quyền cụ thể quy định tại Điều 41 của Nghị định này.
2. Thanh tra Lao động – Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này và các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm xã hội quy định tại các nghị của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước theo thẩm quyền cụ thể quy định tại Điều 42 của Nghị định này.
3. Trong trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.
4. Trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính về bảo hiểm xã hội thì xác định thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 44. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền đang thi hành nhiệm vụ, công vụ phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính trừ trường hợp xử phạt bằng hình thức phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 100.000 đồng.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là: người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; cán bộ, công chức ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đang thi hành nhiệm vụ, công vụ được giao trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính phải tuân thủ quy định tại Điều 55 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 22 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP.

Điều 45. Quyết định xử phạt

1. Việc ra quyết định xử phạt theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.
2. Việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, được thực hiện theo quy định tại Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 23 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP.

Điều 46. Thủ tục phạt tiền, thu nộp tiền phạt

Thủ tục phạt tiền, thu nộp tiền phạt thực hiện theo quy định tại Điều 57 và Điều 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 47. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 60 và Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 48. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hoãn chấp hành quyết định phạt tiền

1. Trong thời hạn tối đa là 10 ngày, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 64 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 24 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP.
2. Cá nhân bị phạt tiền từ 500.000 đồng trở lên có thể được hoãn chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 49. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành

1. Việc cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
2. Việc chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 30 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP.

Điều 50. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là một năm, kể từ ngày ra quyết định xử phạt; quá thời hạn này mà quyết định đó không được thi hành thì không thi hành quyết định xử phạt nữa nhưng vẫn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn việc thi hành quyết định xử phạt thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 51. Buộc trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng đó vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp

1. Hết thời hạn 10 ngày kể từ ngày được giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người sử dụng lao động không tự nguyện truy nộp hoặc đã truy nộp nhưng chưa đủ số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng đó vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp thì người có thẩm quyền áp dụng biện pháp buộc trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền bảo hiểm xã hội chưa đóng, chậm đóng và lãi phát sinh của số tiền chưa đóng, chậm đóng đó vào quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
2. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp buộc trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này là:
 - a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
 - b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Chánh thanh tra Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

d) Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp buộc trích tiền từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Điều 52. Mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

Ban hành kèm theo Nghị định này là Phụ lục các mẫu biên bản và quyết định để sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 và thay thế Nghị định số 135/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 54. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm hướng dẫn việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng